

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

đã được soát xét

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-22
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-22

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Diên Hồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thực	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Thòa	Ủy viên
Bà Trần Thị Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thực	Giám đốc
Ông Hoàng Văn Thòa	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên
Ông Trịnh Hữu Lợi	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đinh Ngọc Thục

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 07 năm 2012

Số: /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
của Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Diên Hồng được lập ngày 05 tháng 07 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Diên Hồng tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý:

Như vấn đề đã nêu tại Thuyết minh số 17-Thông tin chung về các dự án đầu tư trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: "Công ty đang có kế hoạch di dời văn phòng và các xưởng sản xuất từ địa chỉ hiện tại số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội ra ngoại thành Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được các văn bản pháp lý chính thức của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam liên quan đến việc thu hồi lại diện tích đất văn phòng và xưởng sản xuất của Công ty tại địa chỉ Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội nên Công ty cũng chưa có các quyết định chính thức bằng văn bản nào liên quan đến việc di dời này. Đến thời điểm kiểm toán, Công ty đã ký các hợp đồng vận chuyển với các nhà cung cấp liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản từ địa điểm sản xuất hiện tại số 187B Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội đến địa điểm sản xuất mới". Việc di dời này có thể ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ kế toán tiếp theo.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Ngô Đức Đoàn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1369/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.873.675.409	9.973.154.056
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.691.383.385	2.489.748.763
111	1. Tiền		691.383.385	789.748.763
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	1.700.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.031.350.601	2.955.529.366
131	1. Phải thu của khách hàng		3.017.393.860	1.362.710.342
132	2. Trả trước cho người bán		723.022.569	295.000.000
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.535.898.003	1.542.782.855
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(244.963.831)	(244.963.831)
140	IV. Hàng tồn kho	5	2.775.495.149	3.629.624.533
141	1. Hàng tồn kho		2.775.495.149	3.629.624.533
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		375.446.274	898.251.394
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		277.999.455	777.368.735
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	292.935	292.935
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	97.153.884	120.589.724
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.835.664.627	17.208.447.755
220	II. Tài sản cố định		15.835.664.627	17.208.447.755
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	15.835.664.627	17.208.447.755
222	- Nguyên giá		32.938.647.911	32.984.102.456
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.102.983.284)	(15.775.654.701)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		26.709.340.036	27.181.601.811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.460.168.630	3.454.297.861
310	I. Nợ ngắn hạn		3.206.269.105	3.170.022.136
312	2. Phải trả người bán		1.421.085.574	1.712.698.968
315	5. Phải trả người lao động		310.813.592	249.308.854
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	9	1.279.913.371	1.221.703.000
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		194.456.568	(13.688.686)
330	II. Nợ dài hạn		253.899.525	284.275.725
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		253.899.525	284.275.725
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		23.249.171.406	23.727.303.950
410	I. Vốn chủ sở hữu	10	23.249.171.406	23.727.303.950
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.280.420.000	26.280.420.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.454.245.544	1.454.245.544
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		32.805.890	32.805.890
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.518.300.028)	(4.040.167.484)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		26.709.340.036	27.181.601.811

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.166.158	3.166.158

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực
Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.384.335.643	9.591.802.027
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	6.384.335.643	9.591.802.027
11	4. Giá vốn hàng bán	12	6.572.735.180	10.011.875.592
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(188.399.537)	(420.073.565)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	119.541.654	29.853.692
22	7. Chi phí tài chính	14	-	77.986.477
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	77.986.477
24	8. Chi phí bán hàng		156.157.450	109.020.226
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		846.955.733	982.183.878
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.071.971.066)	(1.559.410.454)
31	11. Thu nhập khác		925.890.265	495.884.174
32	12. Chi phí khác		123.906.489	96.663.035
40	13. Lợi nhuận khác		801.983.776	399.221.139
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(269.987.290)	(1.160.189.315)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(269.987.290)</u>	<u>(1.160.189.315)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	(103)	(839)

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thục
Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		6.263.329.136	16.979.857.427
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(3.498.990.008)	(8.728.799.850)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.228.779.534)	(1.945.846.874)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	(77.986.477)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(31.991.587)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		39.919.151	64.508.721
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(629.794.867)	(723.326.175)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(54.316.122)	5.536.415.185
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(11.415.507.847)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		136.409.090	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		119.541.654	29.853.692
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		255.950.744	(11.385.654.155)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	12.448.620.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	2.061.308.253
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(2.061.308.253)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(269.929.940)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	12.178.690.060
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		201.634.622	6.329.451.090
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.489.748.763	1.526.235.448
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	2.691.383.385	7.855.686.538

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực
Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 26.280.420.000 đồng; tương đương 2.628.042 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101493697 ngày 13 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 03/11/2011 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in;
- In tranh ảnh giáo dục;
- Sản xuất và mua bán thiết bị giáo dục;
- Đại lý phát hành sách giáo khoa, sách tham khảo và các ấn phẩm văn hóa khác;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 08 - 10 năm |

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	74.964.177	28.322.019
Tiền gửi ngân hàng	616.419.208	761.426.744
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	1.700.000.000
	<u>2.691.383.385</u>	<u>2.489.748.763</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại Hà Tây	848.605.300	848.605.300
Vật tư cho Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục vay	589.221.255	578.311.768
Phải thu khác	98.071.448	115.865.787
	<u>1.535.898.003</u>	<u>1.542.782.855</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.302.629.715	2.349.515.090
Công cụ, dụng cụ	8.705.716	10.300.527
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	79.953.033	85.181.595
Thành phẩm	383.103.248	383.103.248
Hàng gửi đi bán	1.103.437	801.524.073
Cộng	<u>2.775.495.149</u>	<u>3.629.624.533</u>

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	292.935	292.935
	<u>292.935</u>	<u>292.935</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	97.153.884	120.589.724
	<u>97.153.884</u>	<u>120.589.724</u>

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

9 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	48.295.681	40.629.893
Bảo hiểm xã hội	100.115.250	52.390.928
Bảo hiểm thất nghiệp	7.182.840	5.652.300
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	34.500.000	35.000.000
Tạm ứng tiền đền bù đất của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	89.819.600	88.029.879
	<u>1.279.913.371</u>	<u>1.221.703.000</u>

10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.280.420.000	26.280.420.000
- Vốn góp đầu kỳ	26.280.420.000	13.831.800.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	12.448.620.000
- Vốn góp cuối kỳ	26.280.420.000	26.280.420.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	276.636.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	276.636.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.628.042	2.628.042
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.628.042	2.628.042
- Cổ phiếu phổ thông	2.628.042	2.628.042
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.628.042	2.628.042
- Cổ phiếu phổ thông	2.628.042	2.628.042
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.454.245.544	1.454.245.544
Quỹ dự phòng tài chính	32.805.890	32.805.890
	1.487.051.434	1.487.051.434

11 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	6.384.335.643	9.591.802.027
	6.384.335.643	9.591.802.027

(*) Từ quý III năm 2011, Công ty chủ yếu thực hiện các hợp đồng gia công in, chi phí nguyên vật liệu chính giấy in do các đơn vị đặt in cung cấp do đó Doanh thu và Giá vốn 6 tháng đầu năm 2012 so với 6 tháng đầu năm 2011 có sự sụt giảm lớn.

12 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.572.735.180	10.011.875.592
	6.572.735.180	10.011.875.592

13 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	119.541.654	29.853.692
	119.541.654	29.853.692

14 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	77.986.477
	-	77.986.477

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(269.987.290)	(1.160.189.315)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(269.987.290)	(1.160.189.315)
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

15 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(269.987.290)	(1.160.189.315)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(269.987.290)	(1.160.189.315)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.628.042	1.383.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(103)	(839)

16 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản t.đương tiền	2.691.383.385	-	2.489.748.763	-
Phải thu khách hàng, p.thu khác	4.553.291.863	(244.963.831)	2.905.493.197	(244.963.831)
Cộng	7.244.675.248	(244.963.831)	5.395.241.960	(244.963.831)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			2.700.998.945	2.934.401.968
			2.700.998.945	2.934.401.968

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro về giá:

Công ty không có các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn do đó không có rủi ro về giá.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc ngoại tệ của Công ty là không đáng kể do đó không có rủi ro về tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty không có các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, các khoản tiền gửi của Công ty có thời hạn thu hồi trong vòng 1 tháng và có lãi suất xác định do đó không có rủi ro tài chính liên quan đến lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2012				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.700.998.945	-	-	2.700.998.945
Cộng	2.700.998.945	-	-	2.700.998.945
Tại ngày 01/01/2012				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.934.401.968	-	-	2.934.401.968
Cộng	2.934.401.968	-	-	2.934.401.968

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

17 . THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty đang có kế hoạch di dời văn phòng và các xưởng sản xuất từ địa chỉ hiện tại số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội ra ngoại thành Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được các văn bản pháp lý chính thức của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam liên quan đến việc thu hồi lại diện tích đất văn phòng và xưởng sản xuất của Công ty tại địa chỉ Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội nên Công ty cũng chưa có các quyết định chính thức bằng văn bản nào liên quan đến việc di dời này. Đến thời điểm kiểm toán, Công ty đã ký các hợp đồng vận chuyển với các nhà cung cấp liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản từ địa điểm sản xuất hiện tại số 187B Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội đến địa điểm sản xuất mới.

18 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

19 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực in ấn theo đơn đặt hàng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

20 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau

	<u>Mối quan hệ</u>	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
		đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- NXBGD Việt Nam	Công ty mẹ	80.344.499	131.136.364
- Nhà XBGD tại Hà nội	Thành viên TD	5.168.139.412	7.619.401.386
- Tạp chí Toán học và tuổi trẻ	Thành viên TD	-	10.909.091
- Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Thành viên TD	-	54.204.545
- Tạp chí Toán tuổi thơ	Thành viên TD	323.949.161	258.495.791
- Công ty CP SGK tại TP Hà Nội	Cùng tập đoàn	6.000.000	-
- Công ty CP in SGK Hoà Phát	Thành viên TD	-	93.200.000
- Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	Thành viên TD	101.743.562	391.045.762
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng tập đoàn	112.739.885	-
- Cty CP thiết kế và PHS giáo dục	Thành viên TD	-	10.218.181
- Cty CP đầu tư và PT Giáo dục HN	Thành viên TD	666.363.004	992.199.788
- Cty CP Mỹ thuật và truyền thông	Thành viên TD	8.000.000	15.000.000
- Cty CP Đầu tư và PT Công nghệ Văn Lang	Thành viên TD	6.000.000	19.072.890
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản GD Hà Nội	Thành viên TD	54.400.000	30.000.000
- Cty CP sách và TBGD Miền Bắc	Thành viên TD	64.087.110	59.752.540
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	-	804.463.800
- Công ty in SGK Hòa Phát	Thành viên TD	-	93.900.000
Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ			
- NXBGD Việt Nam	Công ty mẹ	-	12.448.620.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
- Tạp chí toán tuổi thơ	Thành viên TD	316.594.003	189.342.953
- Công ty CP SGD tại TP Hồ Chí Minh	Thành viên TD	1.004.772	1.004.772
- Công ty CP Sách ĐH - Dạy nghề	Thành viên TD	101.917.918	50.000.000
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Thành viên TD	-	40.009.398
- Công ty CP Sách Dân tộc	Thành viên TD	211.629.970	187.616.097
- Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Thành viên TD	187.865.137	99.256.618
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	77.300.134	52.921.185
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Thành viên TD	1.667.018.312	198.978.009
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản GD Hà Nội	Thành viên TD	-	93.277.997
- Cty CP Mỹ thuật và truyền thông	Thành viên TD	8.800.000	-

- Cty CP Đầu tư và PT Công nghệ Văn Lang	Thành viên TD	6.600.000	-
- Cty CP sách và TBGD Miền Bắc	Thành viên TD	29.795.821	-
Phải thu khác			
Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Thành viên TD	589.221.255	578.311.768
Phải trả khác			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		1.000.000.000	1.000.000.000

21 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực
Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2012

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	2.877.629.520	28.723.818.625	1.167.548.638	215.105.673	32.984.102.456
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	(45.454.545)	-	-	(45.454.545)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(45.454.545)	-	-	(45.454.545)
Số dư cuối kỳ	2.877.629.520	28.678.364.080	1.167.548.638	215.105.673	32.938.647.911
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	2.662.731.947	12.080.363.537	817.453.544	215.105.673	15.775.654.701
Số tăng trong kỳ	61.489.746	1.238.660.346	72.633.036	-	1.372.783.128
- Trích khấu hao	61.489.746	1.238.660.346	72.633.036	-	1.372.783.128
Số giảm trong kỳ	-	(45.454.545)	-	-	(45.454.545)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(45.454.545)	-	-	(45.454.545)
Số dư cuối kỳ	2.724.221.693	13.273.569.338	890.086.580	215.105.673	17.102.983.284
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	214.897.573	16.643.455.088	350.095.094	-	17.208.447.755
Số dư cuối kỳ	153.407.827	15.404.794.742	277.462.058	-	15.835.664.627

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.111.356.654 đồng

10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước (01/01/2011)	13.831.800.000	1.454.245.544	9.265.162	470.814.551	15.766.125.257
Tăng vốn trong kỳ	12.448.620.000	-	-	-	12.448.620.000
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	(4.093.101.668)	(4.093.101.668)
Trích lập các quỹ	-	-	23.540.728	(23.540.728)	-
Chi trả cổ tức kỳ trước	-	-	-	(276.636.000)	(276.636.000)
Trích quỹ KGPL	-	-	-	(117.703.639)	(117.703.639)
Số dư cuối kỳ trước (31/12/2011)	26.280.420.000	1.454.245.544	32.805.890	(4.040.167.484)	23.727.303.950
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	(269.987.290)	(269.987.290)
Giảm khác (*)	-	-	-	(208.145.254)	(208.145.254)
Số dư cuối kỳ này	26.280.420.000	1.454.245.544	32.805.890	(4.518.300.028)	23.249.171.406

(*) Các khoản chi âm Quỹ khen thưởng phúc lợi ở các kỳ kế toán trước

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam	19.552.720.000	74,40%	19.552.720.000	74,40%
Vốn góp của đối tượng khác	6.727.700.000	25,60%	6.727.700.000	25,60%
	26.280.420.000	100%	26.280.420.000	100%